TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06**/2020/DS-ST.
Ngày: 12-02-2020.
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Tiến.

Bà Trần Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

Trong ngày 12 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 263/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị B (Ba Bê)**, sinh năm 1952. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 21-23 đường Văn Lang, khu phố 6, phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Bà **Hồ Kim T**, sinh năm 1968. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 242 đường Cách Mạng Tháng Tám, khu phố 1, phường Vĩnh Lợi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1964. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 242 đường Cách Mạng Tháng Tám, khu phố 1, phường Vĩnh Lợi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh T*: Bà **Hồ Kim T**, sinh năm 1968 (Theo văn bản ủy quyền lập ngày 17/01/2020 tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Lợi). Địa chỉ: Số 242 đường Cách Mạng Tháng Tám, khu phố 1, phường Vĩnh Lợi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:*

+ Vào ngày 06/8/2017, do là chỗ quen biết nên bà B có cho bà Hồ Kim T mượn số tiền là **226.000.000** đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu đồng) tiền Việt Nam, giữa hai bên có làm biên nhận mượn tiền cùng ngày, nhưng quy từ tiền Việt Nam ra đô Mỹ là 10.000 USD và trong biên nhận để là mượn 10.000 USD; thỏa thuận đến đầu tháng 12/2017 âm lịch sẽ trả; hai bên không có thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên, sau đó bà Hồ Kim T có đưa tiền cho bà B nhiều lần, nói là gửi tiền café, có tháng bà T đưa 300 USD, có tháng đưa 200 USD, có tháng đưa 100 USD, cũng có tháng đưa tiền Việt Nam là 04 triệu và 06 triệu đồng… Bà B không nhớ chính xác cụ thể mỗi lần đưa tiền, vì là chỗ quen biết nên mỗi lần đưa đều không làm biên nhận. Tổng số tiền cafe mà bà T đã đưa cho bà B là khoảng 58.400.000 đồng (Năm mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

+ Đến ngày 22/3/2019, bà B và bà T có kết lại số tiền nợ hụi giữa hai bên và tiền bà T mượn thêm bà B để làm chi phí phỏng vấn xuất cảnh sang Mỹ, tổng số tiền là **150.000.000** đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Trong đó: số tiền bà T nợ hụi bà B là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) và số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) là tiền bà T mượn bà B để chi phí cho việc phỏng vấn đi Mỹ. Giữa hai bên có làm biên nhận đề ngày 22/3/2019, số tiền này cũng không có tính lãi, cam kết đến cuối năm 2019 sẽ trả.

Tổng cộng hai khoản nợ bà T đã mượn là **376.000.000** đồng (Ba trăm bảy mươi sáu triệu đồng). Hai khoản tiền nêu trên đều đã quá thời hạn cam kết trả nợ, bà B đã yêu cầu bà T trả nhiều lần, nhưng bà T nhiều lần hứa hẹn và tránh né không trả nợ cho bà B như đã thỏa thuận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Hồ Kim T cùng chồng là ông Nguyễn Thanh T cùng liên đới trả cho bà số tiền gốc nợ gốc là **376.000.000** đồng (Ba trăm bảy mươi sáu triệu đồng), do số tiền này bà T mượn về là để lo việc chung trong gia đình. Bà Nguyễn Thị B tự nguyện không yêu cầu tính lãi.

** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Hồ Kim T trình bày:*

+ Bà T thừa nhận vào ngày 06/8/2017, bà có vay của bà B số tiền Việt Nam là **226.000.000** đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu đồng), có làm biên nhận đề ngày 06/8/2017, nhưng trong biên nhận thể hiện số tiền vay là 10.000 USD do tự quy từ tiền Việt Nam ra tiền đô Mỹ theo mệnh giá tại thời điểm vay tiền. Thỏa thuận đến đầu tháng 12/2017 âm lịch sẽ trả số tiền này, trong biên nhận thể hiện không lãi suất. Tuy nhiên, thực tế bà T có trả tiền lãi cho bà B mỗi tháng 300USD, trả từ tháng 9/2017 đến tháng 3/2019 thì ngưng đóng tiền lãi, cũng có một lần đưa tiền Việt Nam cho bà B là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), tổng số tiền lãi bà T

đã trả cho bà B là 5.400 USD và 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) tiền Việt Nam. Tuy nhiên, việc trả lãi không có ký biên nhận giữa hai bên.

+ Đến ngày 22/3/2019, bà T có kết nợ với bà B số tiền nợ hụi và tiền mượn đi phỏng vấn tổng số tiền gốc là **150.000.000** đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Trong đó: số tiền nợ hụi là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) và 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) là tiền mượn để bà T chi phí cho việc phỏng vấn đi Mỹ. Khoản tiền này cũng không có thỏa thuận lãi và cũng chưa có trả được khoản tiền lãi nào.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Hồ Kim T thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị B tổng số tiền gốc là **376.000.000** đồng (Ba trăm bảy mươi sáu triệu đồng) và đồng ý trả số tiền này, nhưng xin trả dần từ tháng 02/2020 đến tháng 5/2020 trả mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), từ tháng 6/2020 trở về sau sẽ trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) cho đến khi hết nợ. Đối với số tiền lãi đã đóng bà T tự nguyện không yêu cầu Tòa án xem xét lại.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B khởi kiện bị đơn là bà Hồ Kim T có địa chỉ tại số 242 đường Cách Mạng Tháng Tám, khu phố 1, phường Vĩnh Lợi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, yêu cầu bà T trả tiền nợ vay và nợ hụi, nên xác định đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi" theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B:

Bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu bà Hồ Kim T phải trả cho bà số tiền nợ vay và nợ hụi tổng cộng là 376.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi sáu triệu đồng) và tự nguyện không yêu cầu tính lãi. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà B đã nộp cho Tòa án 02 biên nhận đề ngày 06/8/2017 và đề ngày 22/3/2019. Hội đồng xét xử nhận định:

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị B và bà Hồ Kim T đều có sự thống nhất lời khai về việc: Bà Hồ Kim T xác nhận còn nợ bà Nguyễn Thị B tổng số tiền nợ gốc là 376.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi sáu triệu đồng). Trong đó: nợ vay là 236.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi sáu triệu đồng) và nợ hụi là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Hai bên có làm các biên nhận nợ đề ngày 06/8/2017 và ngày 22/3/2019 về các khoản nợ này. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, để xác định bị đơn bà Hồ Kim T còn nợ bà Nguyễn Thị B số tiền

376.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi sáu triệu đồng). Căn cứ Điều 351, Điều 463, Điều 465 của Bộ luật dân sự năm 2015, cần buộc bà T trả cho bà B số tiền nợ vay và nợ hụi 376.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi sáu triệu đồng) là phù hợp.

[3] Xét lãi suất vay: Bà B và bà T đều thống nhất xác nhận trong 02 biên nhận đề ngày 06/8/2017 và ngày 22/3/2019 đều thể hiện nội dung "Tiền không lãi suất", giữa hai bên không thỏa thuận tính lãi suất khi cho vay.

Tuy nhiên, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà B thừa nhận mặc dù bà không yêu cầu tính lãi nhưng có "nhận tiền café" của bà T nhiều lần với tổng số tiền khoảng 58.400.000 đồng (Năm mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

Bà T cho rằng thực tế bà có trả tiền lãi cho bà B nhiều lần được số tiền khoảng 5.400 USD và 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) tiền Việt Nam. Khoản tiền này là bà T tự nguyện đưa cho bà B nên không làm biên bản ký nhận và xác định không yêu cầu Tòa án xem xét lại khoản tiền lãi nêu trên, nên Hội đồng xét xử thống nhất không xem xét.

[4] Về trách nhiệm liên đới của ông Nguyễn Thanh T đối với số nợ 376.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi sáu triệu đồng) mà bà Hồ Kim T nợ bà Nguyễn Thị B. Mặc dù ông T không có ký tên vào các giấy vay tiền, nhưng bà T và ông Tùng là vợ chồng, đây là khoản vay trong thời kỳ hôn nhân và việc bà T mượn tiền về là để lo sinh hoạt chung trong gia đình, nên căn cứ vào Điều 27, khoản 1 Điều 30, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc ông Nguyễn Thanh T phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng bà Hồ Kim T.

[5] Về thời hạn trả nợ: Xét yêu cầu xin trả dần của bị đơn bà Hồ Kim T, bà T xin trả dần từ tháng 02/2020 đến tháng 5/2020 trả mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), từ tháng 6/2020 trở về sau sẽ trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) cho đến khi hết nợ. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B không đồng ý và yêu cầu bà T, ông T trả một lần hết toàn bộ số nợ nêu trên. Xét các bên không thống nhất với nhau về phương thức trả nợ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở ghi nhận. Mặt khác, yêu cầu này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo hướng dẫn tại mục 1 Phần III của Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC hướng dẫn việc xét xử và thi hành án.

[5] Về án phí dân sự giá ngạch: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm d mục 1.3 phần II Danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của bà B được chấp nhận nên bà T và ông Tùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch theo quy định pháp luật là: 376.000.000 đồng x 5% = 18.800.000 đồng (Mười tám triệu tám trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị B được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.650.000 đồng (Chín triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007420 ngày 18/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 93, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 357; Điều 463; Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm d mục 1.3 phần II Danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nôp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi đối với bà Hồ Kim T và ông Nguyễn Thanh T. Buộc bà Hồ Kim T và ông Nguyễn Thanh T cùng liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị B số tiền nợ vay và nợ hụi là **376.000.000** đồng (Ba trăm bảy mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Hồ Kim T và ông Nguyễn Thanh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền còn nợ tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch:

- Bà Hồ Kim T và ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch theo quy định pháp luật là 18.800.000 đồng (Mười tám triệu tám trăm nghìn đồng).

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.650.000 đồng (Chín triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007420 ngày 18/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[3] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 12/02/2020).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP.Rạch Giá;
- Chi cục THADS TP.Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Phương Thanh